

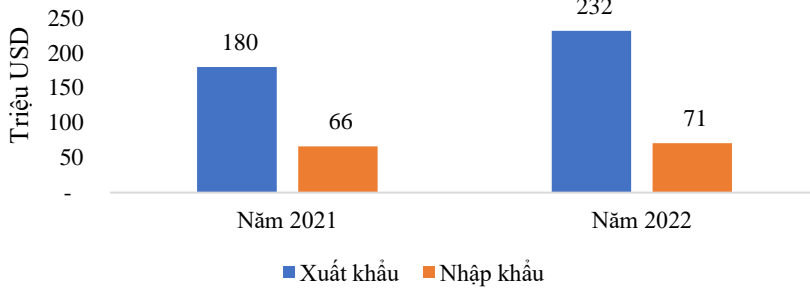
# BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

## Thị trường HÀN QUỐC



### TÌNH HÌNH CHUNG

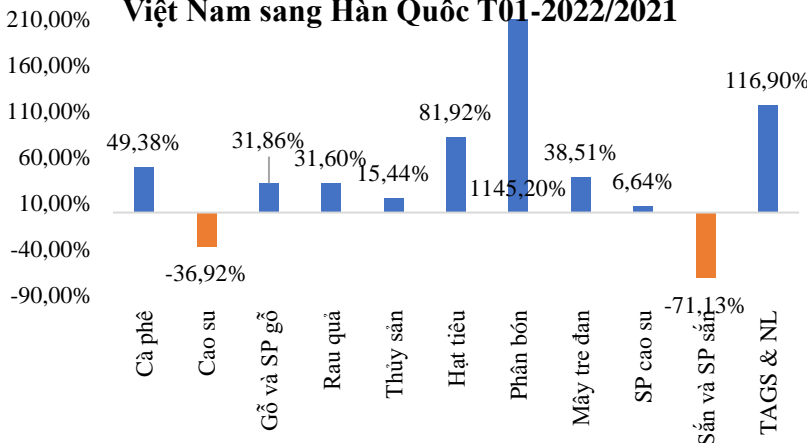
**Xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam- Hàn Quốc T01-2022/2021**



**So sánh xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – Hàn Quốc T01-2022/2021**

Xuất khẩu	▲ 28,64 %
Nhập khẩu	▲ 6,99 %

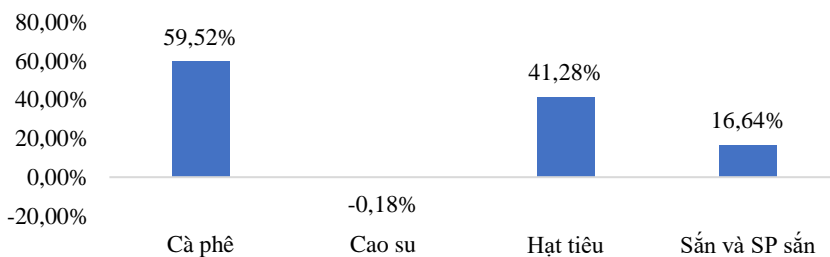
**Biến động kim ngạch xuất khẩu NLTS chính của Việt Nam sang Hàn Quốc T01-2022/2021**



**So sánh T01-2022/2021**

Cà phê	▲ 49,38%
Cao su	▼ 36,92%
Gỗ và SP gỗ	▲ 31,86%
Hàng rau quả	▲ 31,60%
Hàng thủy sản	▲ 15,44%
Hạt tiêu	▲ 81,92%
Phân bón	▲ 1145,20%
Mây tre đan	▲ 38,51%
SP từ cao su	▲ 6,64%
Sắn và SP sắn	▼ 71,13%
TAGS & NL	▲ 116,90%

**Biến động giá xuất khẩu bình quân T01-2022/2021**



**So sánh giá xuất khẩu BQ T01-2022/2021**

Cà phê	▲ 59,52%
Cao su	▼ 0,18%
Hạt tiêu	▲ 41,28%
Sắn và SP sắn	▲ 16,64%

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

Ngày 24/02/2022, tại cuộc họp chính sách tiền tệ, Ngân hàng Trung ương Hàn Quốc (BoK) đã nâng dự báo lạm phát của nước này năm 2022 từ mức 2% (đưa ra tháng 11/2021) lên mức 3,1%, trong bối cảnh chi phí năng lượng tăng cao. Trong khi đó, dự báo về tăng trưởng của Hàn Quốc trong năm 2022 vẫn được giữ ở mức 3%.

Tổng Công ty Thương mại nông thủy sản và lương thực Hàn Quốc thông báo hạn ngạch thuế quan nhập khẩu mặt hàng gạo và kế hoạch các đợt đấu thầu nhập khẩu gạo trong năm 2022. Trong nửa đầu năm 2022, các đợt đấu thầu dự kiến sẽ được thông báo vào tháng 1, tháng 2, tháng 4 và tháng 6 (tổng cộng bốn lần). Nửa cuối năm 2022, dự kiến sẽ tổ chức thêm hai hoặc ba đợt đấu thầu tùy thuộc vào tình hình trong nước.

Trong đợt đấu thầu vào tháng 1/2022, Hàn Quốc không triển khai nhập khẩu gạo có xuất xứ từ Việt Nam. Đợt đấu thầu tháng 2/2022, Hàn Quốc thông báo mở thầu mua 27.791 tấn gạo từ Việt Nam (gồm cả gạo lứt hạt dài và gạo tẻ hạt dài).

Kể từ năm 2020, hàng năm Hàn Quốc áp dụng mức thuế suất ưu đãi 5% cho khối lượng hạn ngạch 408.700 tấn gạo nhập khẩu. Thuế suất áp dụng cho khối lượng gạo nhập khẩu ngoài hạn ngạch là 513%. Trong khối lượng hạn ngạch 408.700 tấn, Hàn Quốc cam kết phân bổ 388.700 tấn theo cơ chế hạn ngạch quốc gia CSQ (Country-Specific Quota) cho 5 nước gồm Trung Quốc, Hoa Kỳ, Việt Nam, Thái Lan và Úc. Trong đó, Việt Nam được phân bổ 55.112 tấn. Khối lượng 20.000 tấn gạo nhập khẩu còn lại được áp dụng theo hình thức đấu thầu quốc tế rộng rãi.

Theo số liệu thống kê của Hải quan Việt Nam, bạch tuộc là sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc năm 2021, trong đó nhiều nhất là các sản phẩm bạch tuộc đông lạnh chiếm tới 78% tổng giá trị xuất khẩu. Việc được hưởng ưu đãi thuế quan 0% giúp Việt Nam tăng bạch tuộc tươi/sống và đông lạnh sang thị trường Hàn Quốc. Trái lại, xuất khẩu các sản phẩm mực khô/nướng và mực tươi/sống/đông lạnh giảm lần lượt 23% và 7%. Giá trị xuất khẩu hai nhóm sản phẩm bạch tuộc chế biến và bạch tuộc khô, muối, sống, tươi, đông lạnh tăng lần lượt 3% và 13%. Xuất khẩu mực chế biến tăng mạnh nhất 52%.

Hàn Quốc chủ yếu nhập khẩu từ Việt Nam bạch tuộc cắt đông lạnh, bạch tuộc nguyên con làm sạch đông lạnh, bạch tuộc cắt khúc ướp đá, bạch tuộc chế biến đông lạnh, mực khô lột da, mực chế biến làm sạch đông lạnh, mực sushi đông lạnh, mực nang phile làm sạch đông lạnh, mực nang nguyên con làm sạch đông lạnh, mực cắt trái thông đông lạnh, mực nút đông lạnh...

Việt Nam đứng thứ 2 về cung cấp mực, bạch tuộc cho Hàn Quốc, sau Trung Quốc. Bạch tuộc đông lạnh là sản phẩm được nhập khẩu nhiều nhất vào Hàn Quốc, chiếm 39% tổng giá trị nhập khẩu các sản phẩm mực, bạch tuộc vào thị trường này.

Theo Trung tâm Thương mại Quốc tế (ITC), 11 tháng năm 2021, Hàn Quốc đã chi hơn 53 triệu USD để nhập khẩu sản, tăng 26,4% so với cùng kỳ năm 2020. Việt Nam là thị trường cung cấp sản lớn nhất cho Hàn Quốc. 11 tháng năm 2021, sản Việt Nam nhập khẩu vào Hàn Quốc là hơn 42 nghìn tấn, tăng tới 56,8% so với 11 tháng năm 2020.

Với lượng nhập khẩu rất lớn như trên, sản Việt Nam đang chiếm thị phần áp đảo trong tổng trị giá nhập khẩu sản của Hàn Quốc (chiếm 79,1%), tăng mạnh so với mức 63,8% trong 11 tháng năm 2020. Hàn Quốc là thị trường nhập khẩu sản lớn thứ 3 trên thế giới trong năm 2021, đứng sau Trung Quốc và Mỹ.

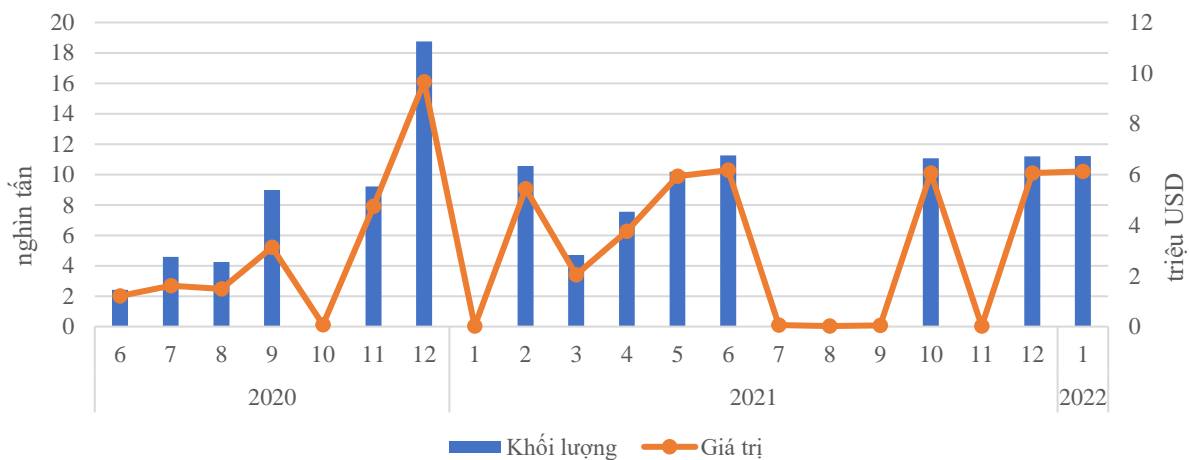
Tháng 01/2022, Việt Nam xuất khẩu 231,6 triệu USD các mặt hàng NLTS chính tới Hàn Quốc, tăng 28,6% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, gỗ và sản phẩm gỗ có kim ngạch xuất khẩu cao nhất tới thị trường này chiếm 45,9%, thứ hai là thủy sản với 30,2%, rau quả chiếm 5,3%. Trong các mặt hàng xuất khẩu chính, chỉ cao su và sản là các mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm, còn lại các mặt hàng khác có kim ngạch tăng so với cùng kỳ năm 2021.

# CÁC MẶT HÀNG XUẤT KHẨU CHỦ LỰC

## 1. LÚA GẠO

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 1/2022, Việt Nam xuất khẩu được 11,2 nghìn tấn gạo, trị giá 6,1 triệu USD sang Hàn Quốc, tăng 0,3% và khối lượng và 1,1% về giá trị so với tháng trước; và tăng rất mạnh so với mức 45 tấn và 26,8 nghìn USD của cùng kỳ năm ngoái.

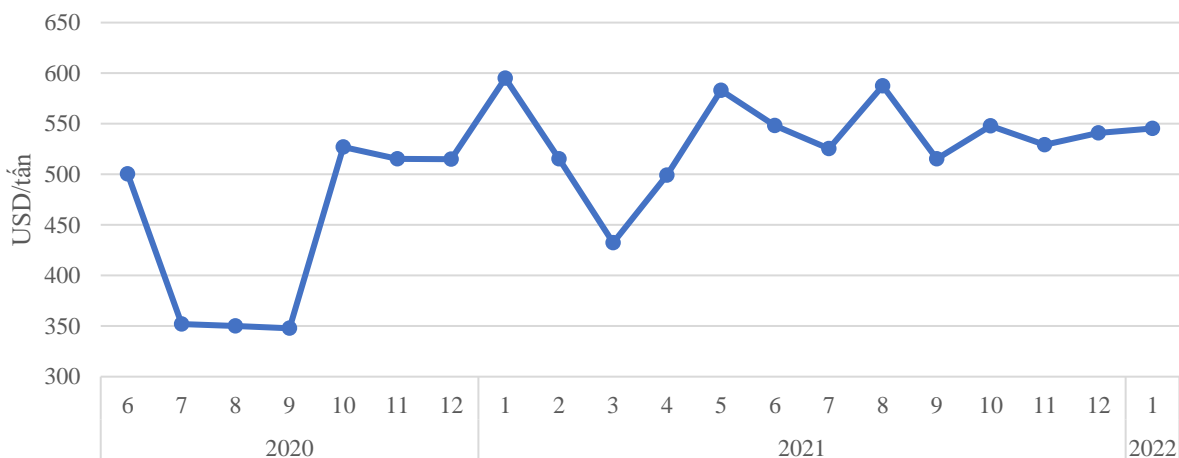
**Hình 1: Khối lượng và giá trị xuất khẩu gạo sang thị trường Hàn Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Giá xuất khẩu gạo trung bình sang thị trường Hàn Quốc tháng 1/2022 đạt 545,4 USD/tấn, tăng 0,8% so với tháng trước, nhưng giảm 8,3% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 2: Giá xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc**

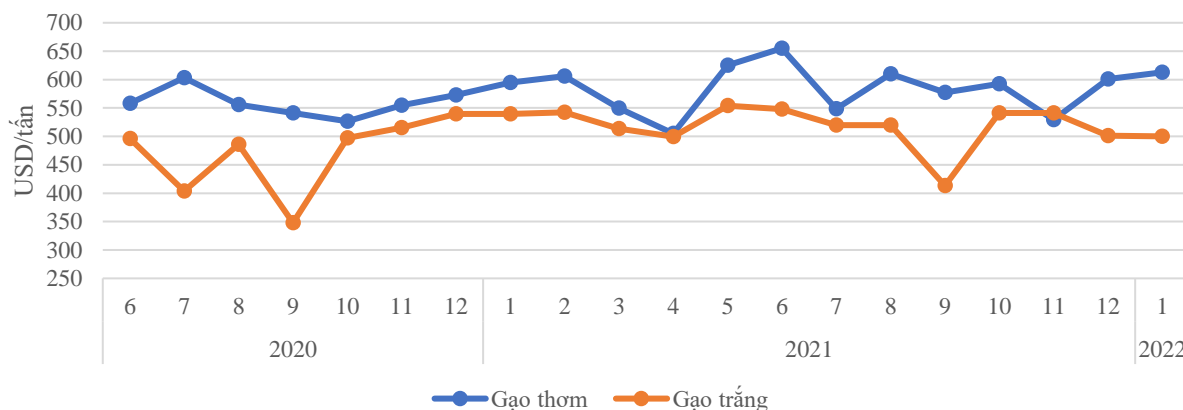


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Trong tháng 1/2022, gạo trắng là mặt hàng xuất khẩu lớn nhất sang Hàn Quốc, chiếm 99,3% về khối lượng và 99,3% giá trị tổng kim ngạch xuất khẩu gạo sang Hàn Quốc trong tháng.

Giá xuất khẩu gạo trắng đạt 500,2 USD/tấn, giảm 0,2% so với tháng trước và 7,3% so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu gạo thơm đạt 612,9 USD/tấn, tăng 2,0% so với tháng trước và 3,0% so với cùng kỳ năm ngoái.

**Hình 3: Giá xuất khẩu gạo thơm và gạo trắng sang thị trường Hàn Quốc**

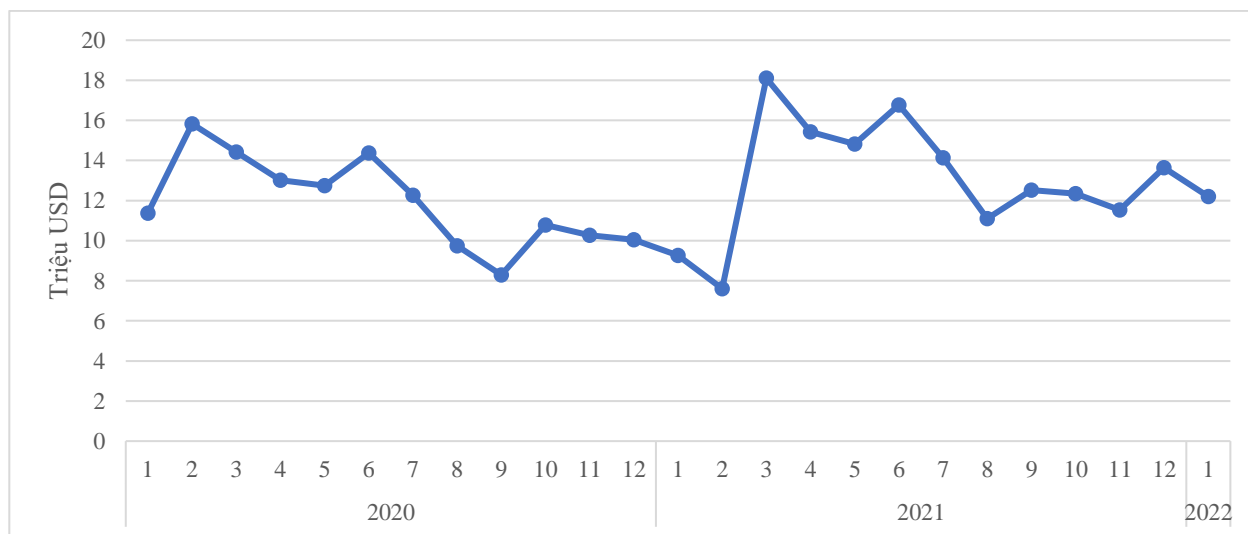


Nguồn: Tổng cục Hải quan

## 2. RAU QUẢ

Giá trị xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc tháng 1 năm 2022 đạt 12,2 triệu USD, chiếm 4,2% tổng giá trị xuất khẩu rau quả, giảm 10,6% so với tháng trước và tăng 31,6% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 4: Giá trị xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc**

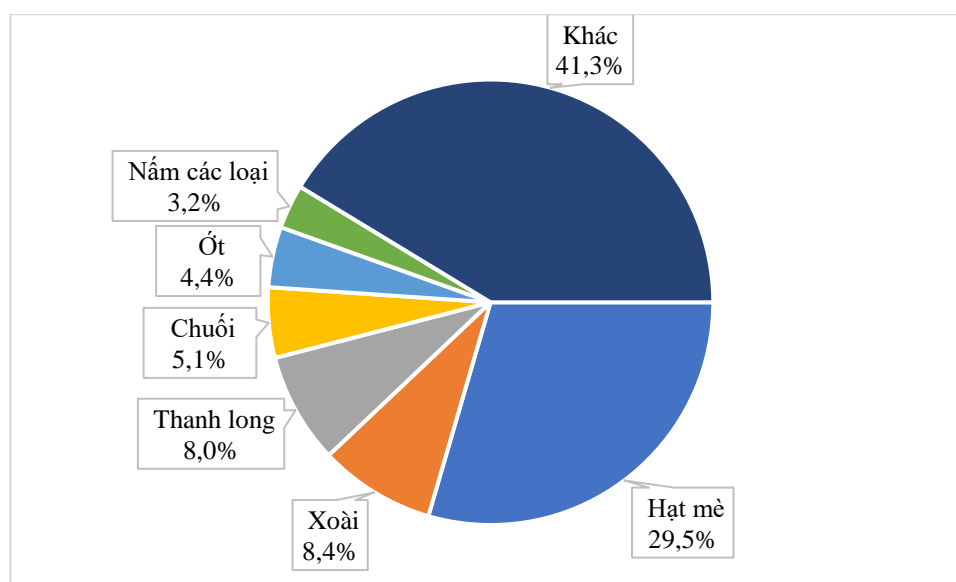


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Cơ cấu xuất khẩu rau quả của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 1 năm 2022, mặt hàng rau quả tươi, khô, đông lạnh, sơ chế đạt 6,0 triệu USD (chiếm 49,3% thị phần, tăng 84,1% so với cùng kỳ năm 2021) và mặt hàng rau quả chế biến đạt 6,2 triệu USD (chiếm 50,7% thị phần), tăng 3,1%, trong đó: (i) trái cây đông lạnh, sấy khô, dẻo (mã HS 2008) đạt 4,5 triệu USD, tăng 2,3% so với cùng kỳ năm trước; (ii) rau, quả muối chua (Mã HS: 2001) đạt 675,3 nghìn USD (tăng 9,2%); (iii) nước ép, nước cốt trái cây (mã HS.2009) đạt 643,0 nghìn USD (tăng 1,0%); v.v.

Trong tháng 1 năm 2022, các mặt hàng rau quả có giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc nhiều nhất bao gồm: hạt mè đạt 3,6 triệu USD (chiếm 29,5% tổng giá trị xuất khẩu), tăng 13,5% so với cùng kỳ năm 2021; xoài đạt 1,2 triệu USD (chiếm 8,4%), giảm 22,3%; thanh long đạt 979,8 nghìn USD (chiếm 8,0%), tăng 116,8%; chuối đạt 622,6 nghìn USD (chiếm 5,1%), tăng 137,3%; thanh long đạt 535,2 nghìn USD (chiếm 4,4%), tăng 111,0%; v.v.

**Hình 5: Cơ cấu xuất khẩu rau quả sang thị trường Hàn Quốc tháng 01/2022**



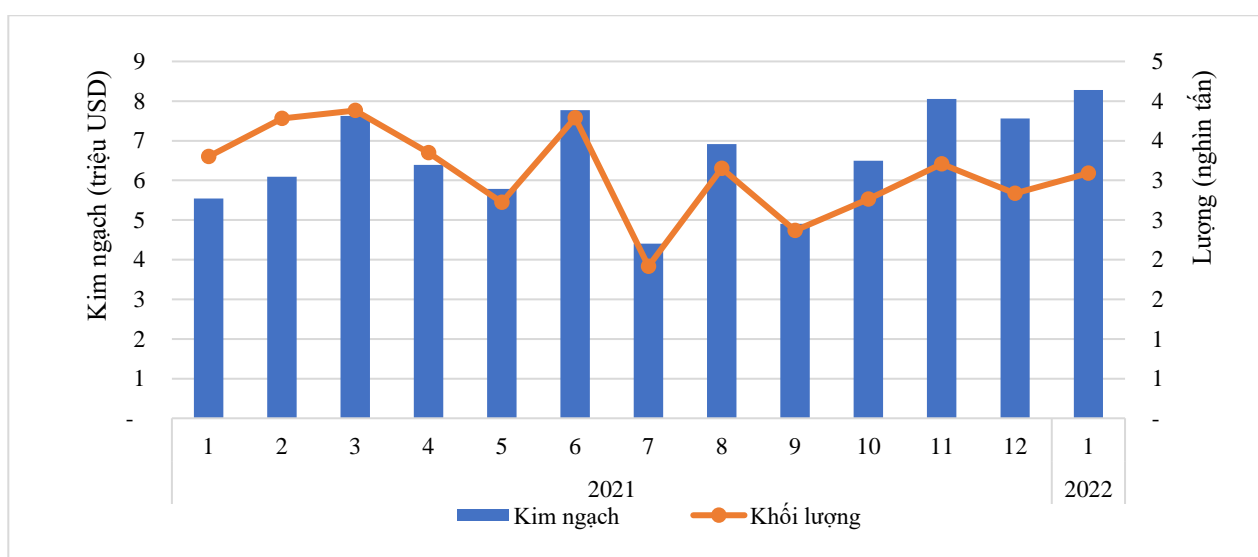
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá trị nhập khẩu rau quả từ thị trường Hàn Quốc tháng 1 năm 2022 đạt 7,1 triệu USD, chiếm 4,3% tổng giá trị nhập khẩu rau quả, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm 2021. Trong tháng 1/2022, sản phẩm rau quả Việt Nam nhập khẩu nhiều nhất từ thị trường này là dâu tây đạt 1,7 triệu USD (chiếm 21,3%), tăng 5,6% so với cùng kỳ năm 2021; nho đạt 1,3 triệu USD (chiếm 17,0%), tăng 33,3%; lê đạt 1,2 triệu USD (chiếm 15,1%), tăng 40,2%; rong biển đạt gần 01 triệu USD (chiếm 12,6%), tăng 17,4; v.v.

### 3. CÀ PHÊ

Hàn Quốc là quốc gia nhập khẩu cà phê đứng thứ 10 của Việt Nam, chiếm hơn 3% tổng lượng xuất khẩu cà phê của Việt Nam. Xuất khẩu cà phê của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 01/2022 ước đạt 3,1 nghìn tấn với trị giá 8,3 triệu USD, tăng 9,1% về lượng và 9,5% về giá trị so với tháng trước, và giảm 6,4% về lượng nhưng tăng 49,4% về giá trị so với cùng kỳ năm trước.

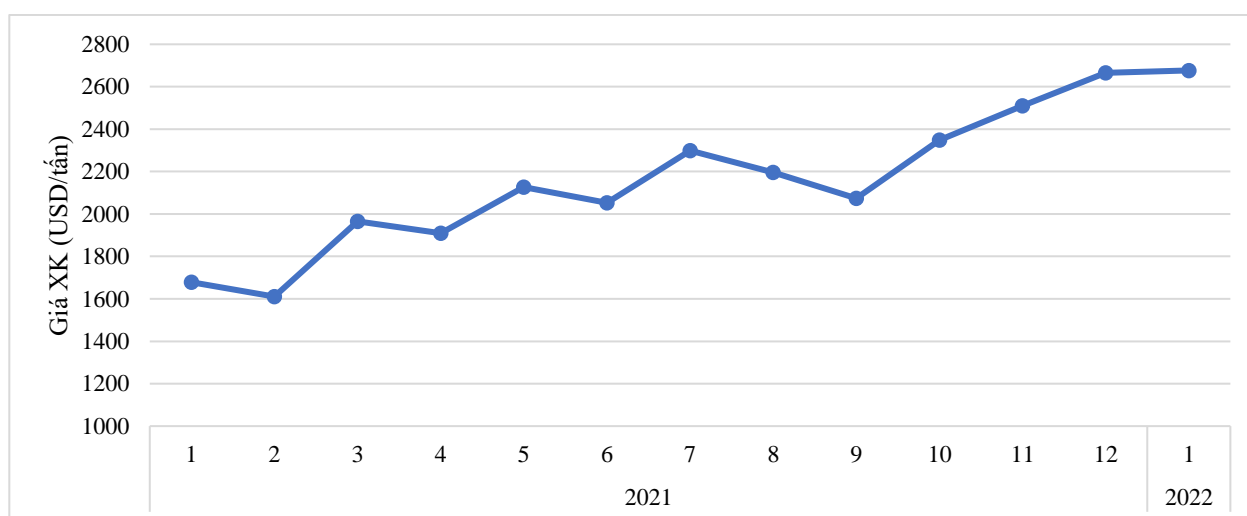
**Hình 6: Khối lượng và giá trị cà phê xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 01/2022, giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc đạt 2.677 USD/tấn, tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 59,5% so với cùng kỳ năm trước.

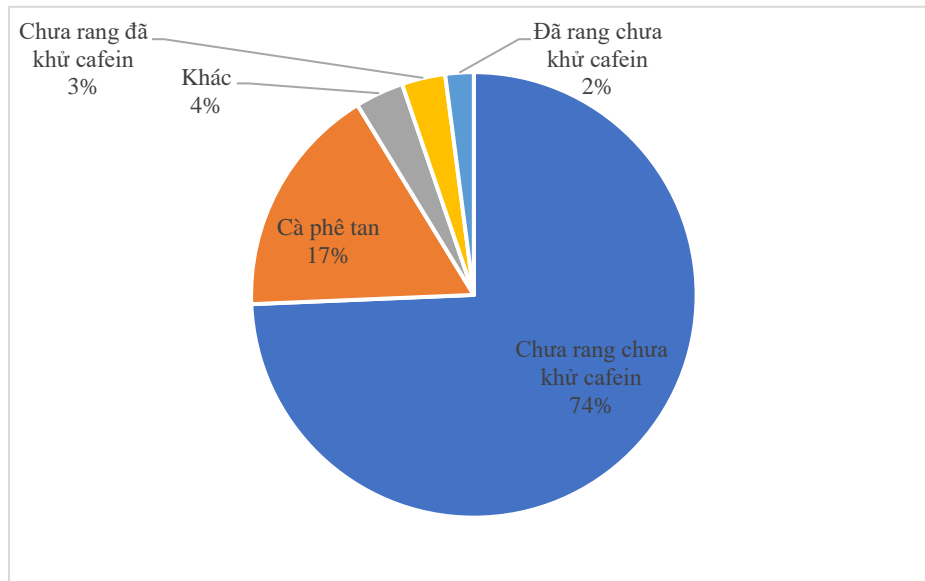
**Hình 7: Giá cà phê xuất khẩu bình quân sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 01/2022, cà phê chưa rang chưa khử cafein là loại cà phê có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 5,5 triệu USD, chiếm 74,3% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là cà phê tan với kim ngạch 1,3 triệu USD, chiếm 16,9% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là cà phê chưa rang đã khử cafein chiếm 3,2% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

**Hình 8: Chủng loại cà phê xuất khẩu sang Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 01/2022**



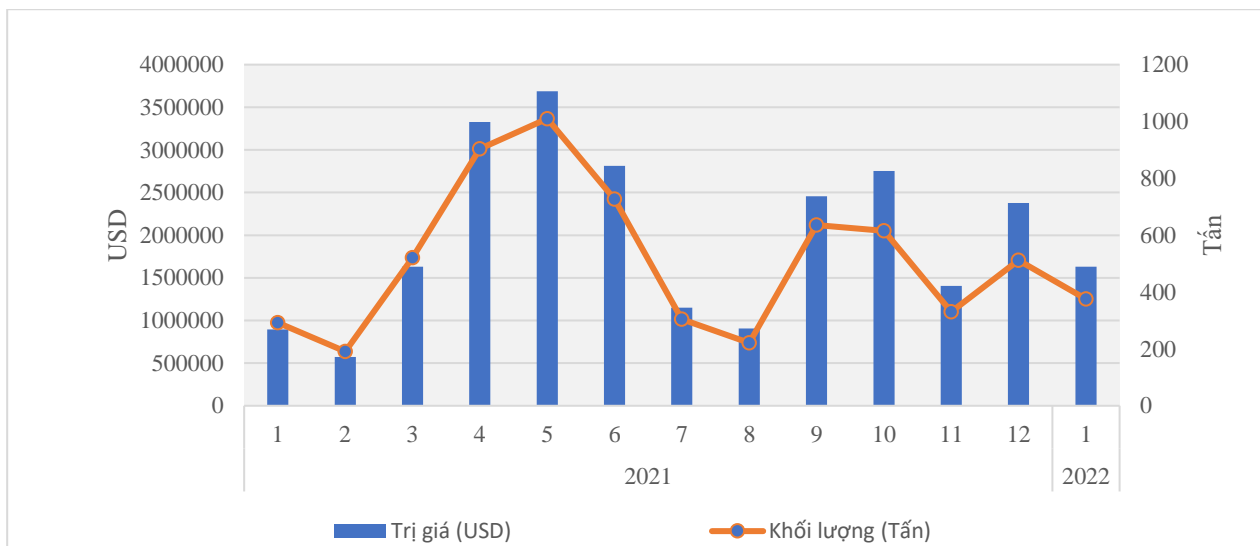
*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

#### 4. HỒ TIÊU

Theo số liệu công bố sơ bộ của Tổng cục Hải quan, kim ngạch xuất khẩu hồ tiêu của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 1/2022 đã sụt giảm mạnh so với tháng trước. Trong tháng này, Việt Nam chỉ xuất khẩu được 512 tấn hồ tiêu với giá trị khoảng 1,69 triệu USD, giảm 26,56% về khối lượng và 31,44% về giá trị so với tháng trước và tăng 28,77% về khối lượng và 81,92% về giá trị so với cùng kỳ năm 2021.



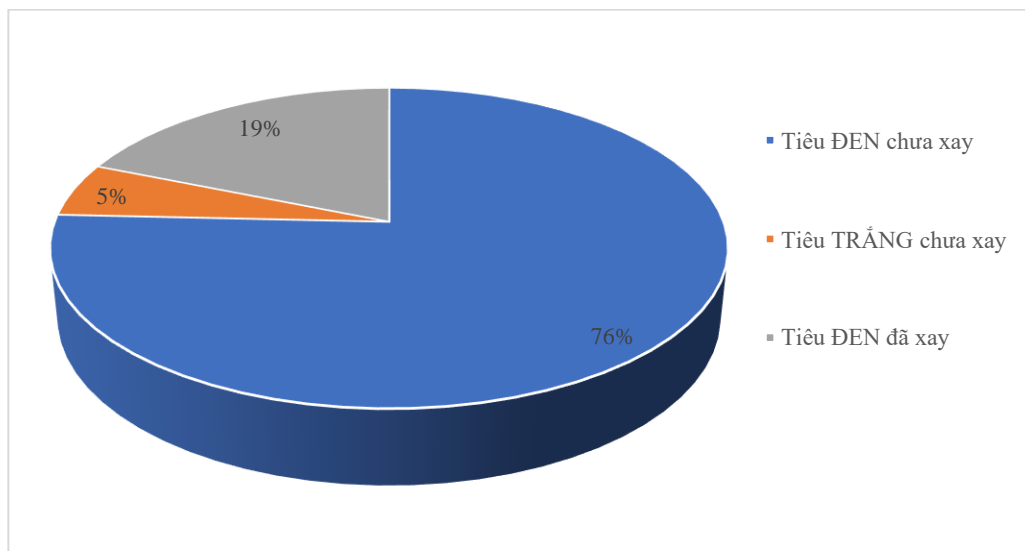
**Hình 9: Xuất khẩu tiêu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc**



Nguồn: Tổng cục hải quan

Trong tháng 1/2022, tiêu đen chưa xay vẫn là sản phẩm chính của Việt Nam xuất khẩu sang thị trường này chiếm 76% tổng giá trị xuất khẩu, tăng 207% so với tháng trước nhưng giảm 32,72% so với cùng kỳ năm trước. Đứng thứ 2 là tiêu đen đã xay, chiếm 18,84%, tăng 17,51% so với tháng trước nhưng giảm 7,96% so với cùng kỳ năm 2021.

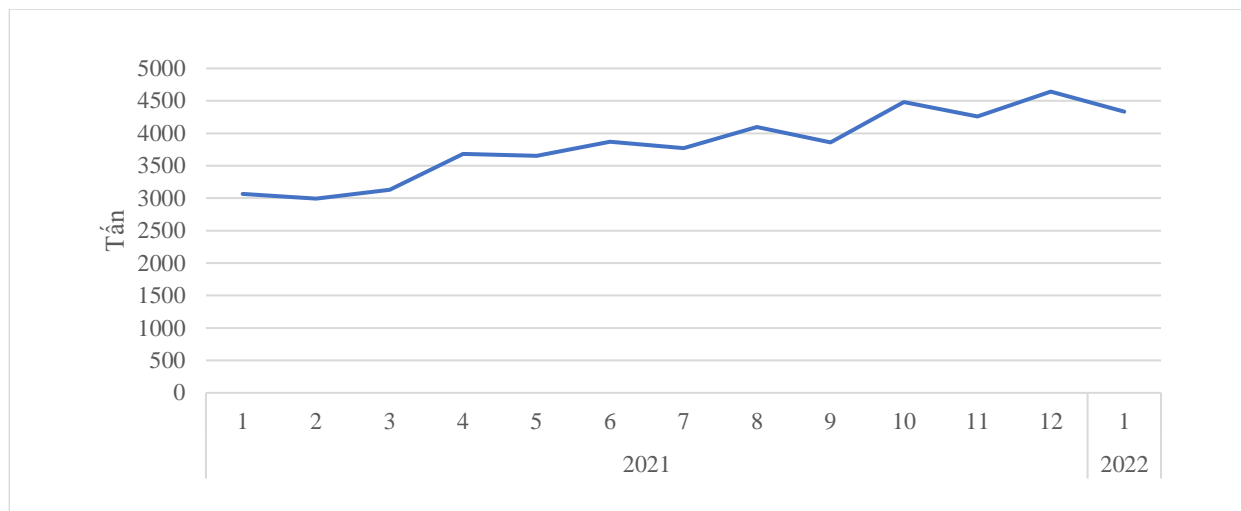
**Hình 10: Cơ cấu xuất khẩu tiêu sang thị trường Hàn Quốc tháng 01/2022**



Nguồn: Tổng cục hải quan

Giá xuất khẩu hồ tiêu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc trong tháng 1/2022 đã tăng trở lại, đạt mức 4.335 USD/tấn, tăng 4,2% so với tháng trước và 62,3% so với cùng kỳ năm trước.

**Hình 11: Giá tiêu xuất khẩu trung bình của Việt Nam sang Hàn Quốc (USD/tấn)**

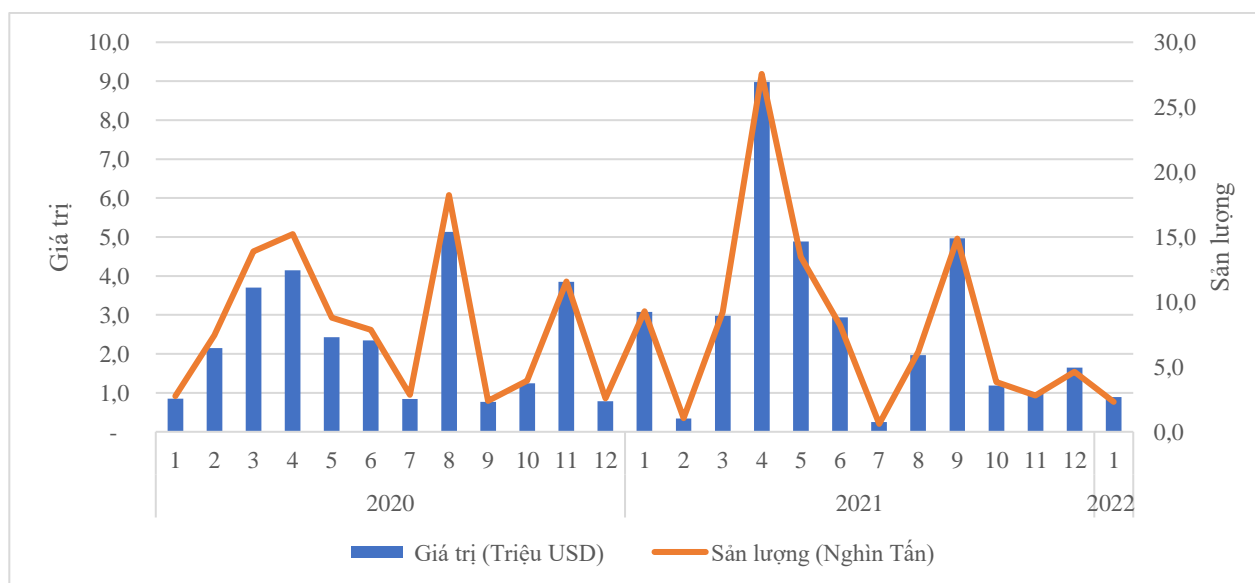


Nguồn: Tổng cục hải quan

## 5. SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, trong tháng 1/2022, Việt Nam xuất khẩu được 2.297 tấn sản và sản phẩm từ sản, trị giá 888,3 nghìn USD sang thị trường Hàn Quốc, giảm 50,3% về khối lượng và giảm 46,0% về giá trị so với tháng 12/2021; giảm 75,2% về khối lượng và giảm 71,1% về giá trị so với cùng kỳ 2021.

**Hình 12: Khối lượng và giá trị xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang thị trường Hàn Quốc**

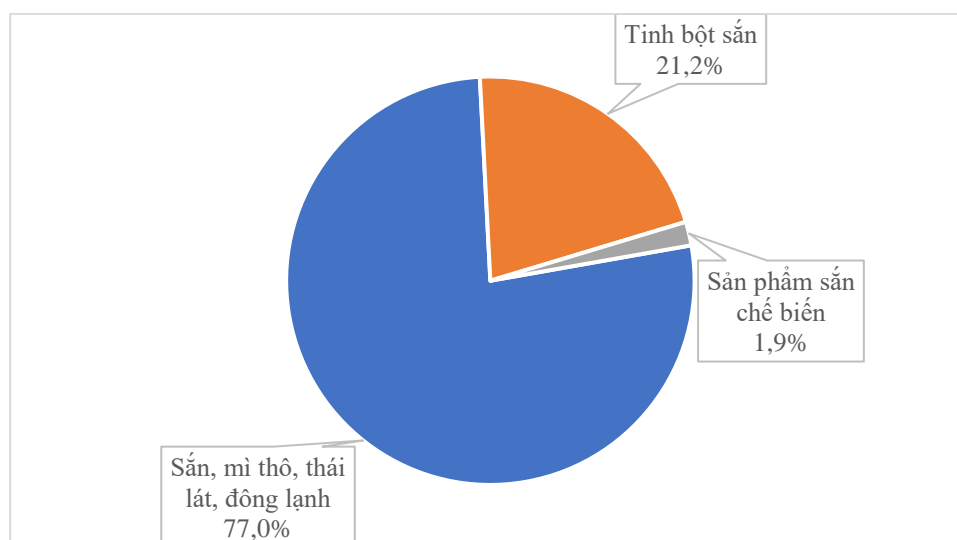


Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về cơ cấu, thị trường Hàn Quốc chiếm 0,8% về khối lượng và 0,8% về giá trị xuất khẩu sản của Việt Nam trong tháng 1 năm 2022. Trong đó, sản lát, đông lạnh đạt

683,6 USD (chiếm 77,0% tổng giá trị xuất khẩu sang thị trường này), giảm 77,0% so với cùng kỳ năm 2021; tinh bột sắn đạt 188,0 nghìn USD (chiếm 21,2%), tăng 153,9%; sản phẩm sản chế biến đạt 16,7 nghìn USD (chiếm 1,9%), giảm 32,1%.

**Hình 13: Cơ cấu xuất khẩu sắn sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

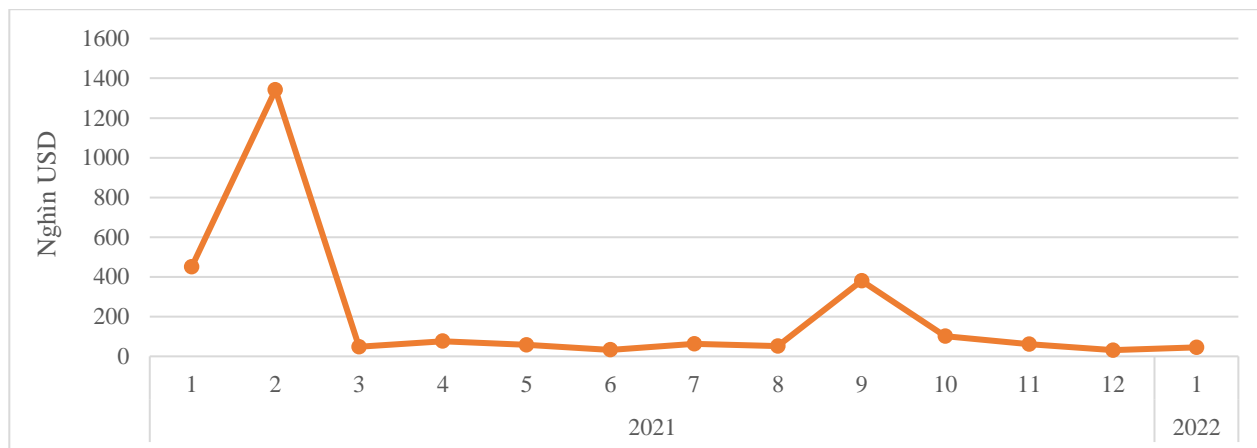
## 6. THỊT VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỊT

Đàn heo trên thế giới cho thấy sự phục hồi mạnh mẽ trong năm 2021. Theo báo cáo quý IV/2021 của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), sản lượng heo toàn cầu tăng 1,1% so với năm 2020 lên 1.179 triệu con. Theo đó, ngoại trừ Mỹ, Hàn Quốc và Nhật Bản dự kiến ghi nhận đàn heo giảm khoảng 1,1 - 4,5% trong năm 2021, sản lượng heo tại các nhà sản xuất còn lại đều được dự báo tăng 0,2 - 2,6% so với năm trước đó.

USDA dự báo nhu cầu từ Hàn Quốc sẽ phục hồi trong năm 2022, mặc dù ở thời điểm hiện tại quốc gia này vẫn chịu tác động của làn sóng Omicron, với lệnh giãn cách xã hội được tiên khai. Sản lượng thịt heo trong nước được dự báo ổn định hoặc giảm trong năm nay. Điều đó đồng nghĩa với nhu cầu nhập khẩu sẽ tăng.

Trong tháng 1/2021, giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc đạt 45,6 nghìn USD, tăng 45,3 % so với tháng 1/2021 nhưng giảm 89,9% so với tháng trước. Các sản phẩm chủ yếu được xuất khẩu trong tháng này gồm các sản phẩm từ ếch.

**Hình 14: Giá trị xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt sang thị trường Hàn Quốc**



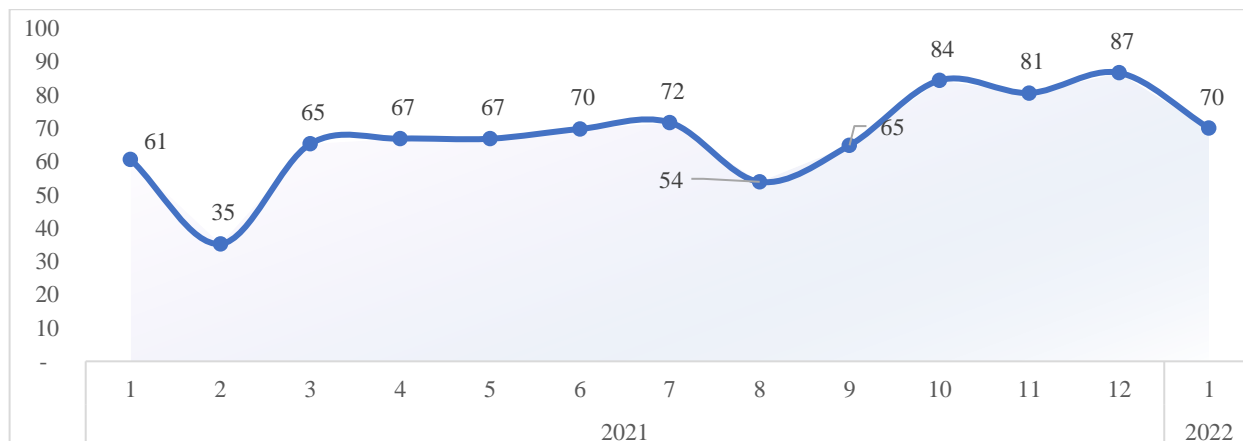
Nguồn: Tổng cục Hải quan

Về nhập khẩu, trong tháng 1/2022, Việt Nam đã nhập khẩu 4,3 triệu USD sản phẩm thịt từ Hàn Quốc, tăng 9,9% so với tháng trước, và giảm 13,9% so với cùng kỳ năm trước, sản phẩm nhập khẩu chủ yếu là thịt gia cầm đã qua giết mổ và thịt chế biến.

## 7. THỦY SẢN

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 1/2021, xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc đạt 70 triệu USD, tăng 15,4% so với cùng kỳ năm 2021, và giảm 19,2% so với tháng trước. Hàn Quốc là một trong 5 thị trường xuất khẩu thủy sản lớn nhất của Việt Nam trong tháng này sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, Trung Quốc, chiếm 8% thị phần xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng 1/2022. Tôm là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm 40,7% tổng giá trị xuất khẩu; tiếp đến là Mực và bạch tuộc chiếm 28,1%.

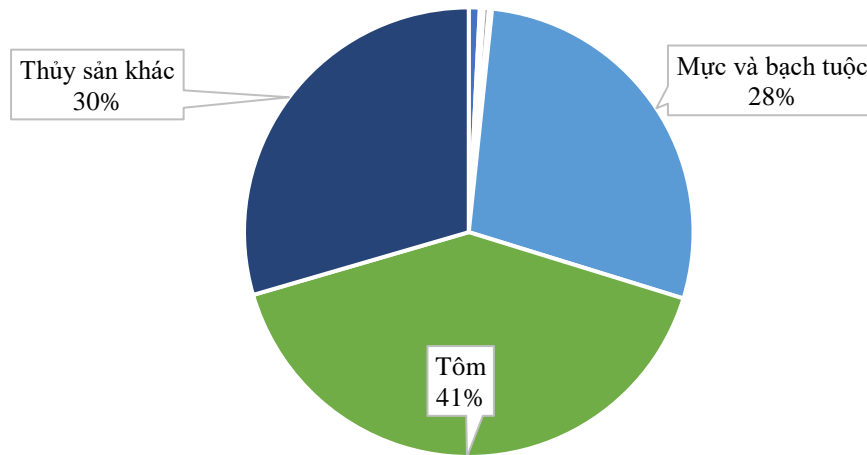
**Hình 15: Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Hàn Quốc**



Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 1/2022, giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này có xu hướng giảm so với với tháng trước, giảm 19,2%. Trong đó, giảm mạnh nhất là mực và bạch tuộc giảm 28,6%; tôm giảm giảm 23,8% và cá da trơn giảm 23%.

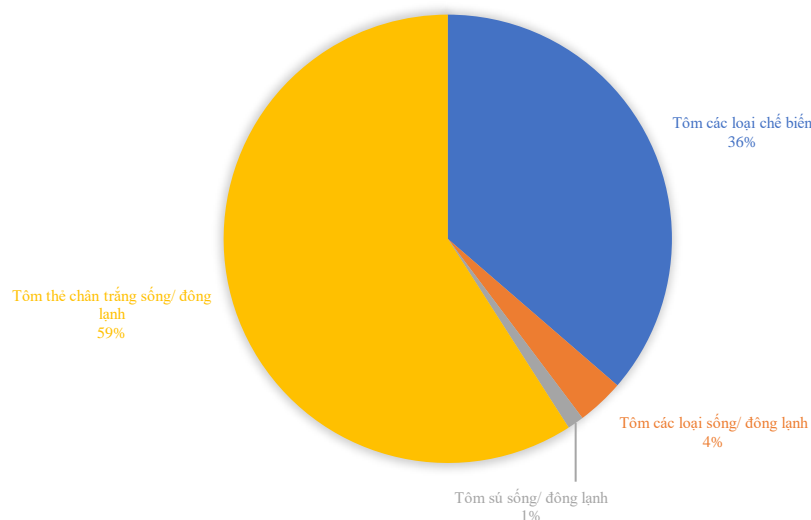
**Hình 16. Cơ cấu sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 01/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tôm là mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường này trong tháng 1/2022 đạt 28,5 triệu USD, chiếm 40,7% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường này, tăng 19,5% so với cùng kỳ năm trước. Tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh vẫn là sản phẩm xuất khẩu chính sang thị trường này chiếm khoảng 59,1%, tôm các loại chế biến đứng thứ 2 chiếm 36,3% tổng giá trị tôm xuất khẩu sang Hàn Quốc.

**Hình 17. Cơ cấu xuất khẩu tôm sang thị trường Hàn Quốc tháng 01/2022**

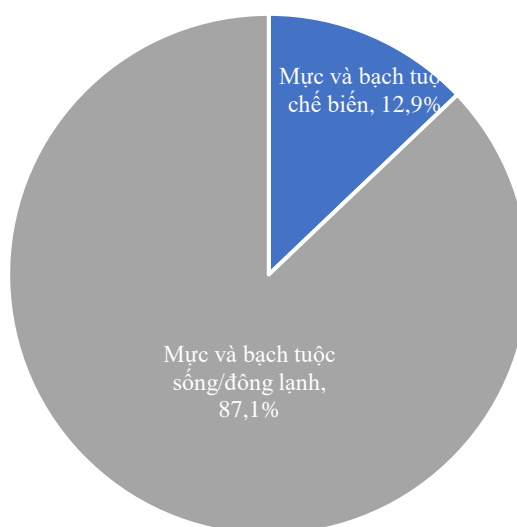


*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Tháng 1/2022, giá trị xuất khẩu tôm thẻ chân trắng sống/đông lạnh sang thị trường này đạt 16,8 triệu USD tăng 43,5% so với cùng kỳ năm trước; tôm các loại sống/đông lạnh đạt 1 triệu USD, tăng 45%; tôm chế biến đạt 10,4 triệu USD, giảm 5,5%; tôm sú sống/đông lạnh đạt 0,3 triệu USD, giảm 42,7%.

Mặt hàng mực và bạch tuộc, giá trị xuất khẩu tháng 1 năm 2022 đạt 19,7 triệu USD, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó, giá trị xuất khẩu mực và bạch tuộc sống/đông lạnh đạt 17,1 triệu USD, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước; mực và bạch tuộc chế biến đạt 2,5 triệu USD, tăng 58,5%.

**Hình 18. Cơ cấu xuất khẩu mực và bạch tuộc sang Hàn Quốc tháng 01/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Một số mặt hàng thủy sản thủy sản khác xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 1/2022: Cá da trơn đạt 0,6 triệu USD, tăng 138,3% so với cùng kỳ năm trước; cá rô phi đạt 0,3 triệu USD, tăng 9,6%; cua – ghẹ đạt 0,1 triệu USD, tăng 5,3%; cá ngừ đạt 0,2 triệu USD giảm 63,8%;

Tháng 1/2022, giá bình quân của một số mặt hàng thủy sản chính sang thị trường Hàn Quốc có xu hướng tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể: Giá xuất khẩu tôm trung bình đạt 8,5 USD/kg, tăng 5% so với cùng kỳ năm trước; Mực và bạch tuộc đạt 9,6 USD/kg, tăng 20,8%.

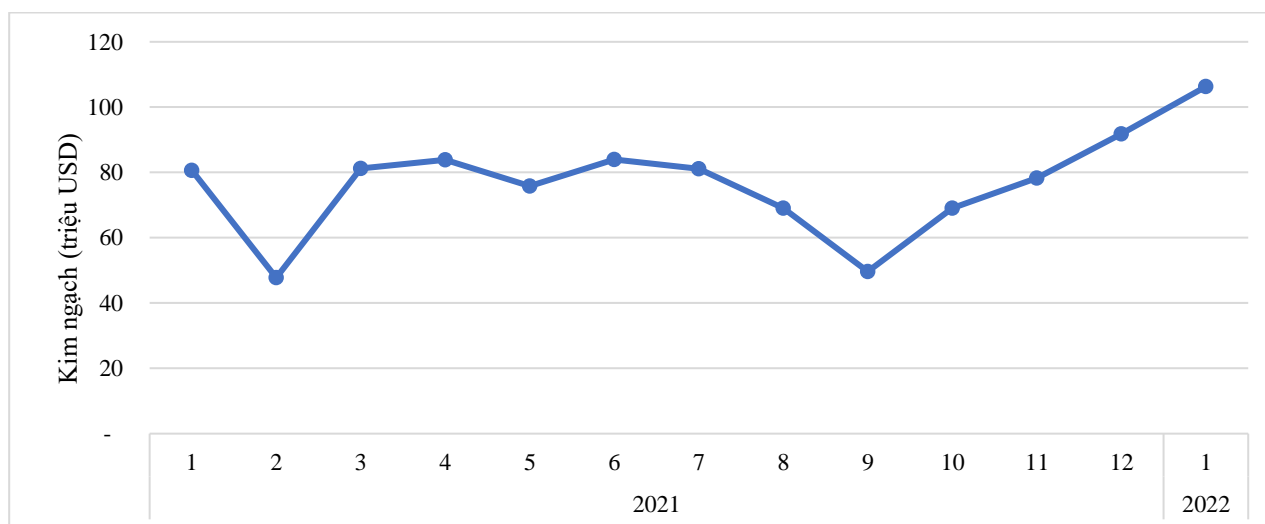
**Bảng 1: Giá một số sản phẩm thủy sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc tháng 01/2022**

TT	Sản phẩm	Giá (USD)	So năm trước (%)	So tháng trước (%)
1	Cá da trơn	3,3	46,5%	6,4%
2	Cá rô phi	2,8	1,8%	1,6%
3	Cua, ghe	5,2	4,4%	-17,6%
4	Mực và bạch tuộc	9,6	20,8%	9,6%
5	Tôm	8,5	5,0%	-7,1%

Nguồn: Tổng cục Hải quan

## 8. GỖ VÀ CÁC SẢN PHẨM GỖ

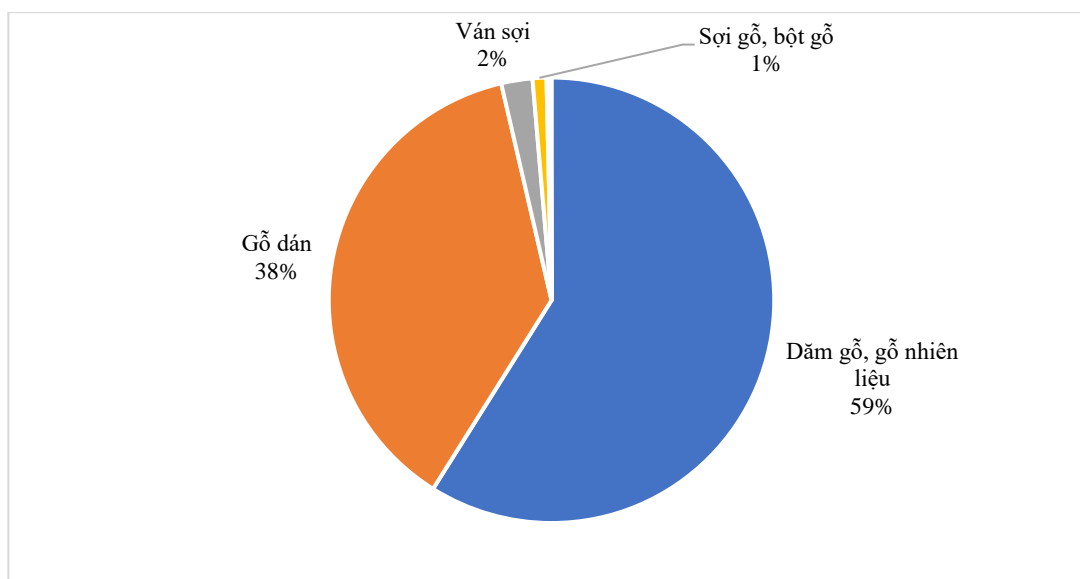
Theo Tổng cục Hải quan, tháng 01/2022, kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 106,3 triệu USD, tăng 15,8% so với tháng trước và 31,9% so với cùng kỳ năm 2021.

**Hình 19: Kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc**

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Tháng 01/2022, dăm gỗ là chủng loại gỗ và sản phẩm gỗ thuộc nhóm mã HS 44 có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 45,7 triệu USD, chiếm 58,9% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là gỗ dán với kim ngạch 29,1 triệu USD, chiếm 37,4% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là ván sợi và sợi gỗ chiếm lần lượt 2,3% và 1,0% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

**Hình 20: Chứng loại gỗ và sản phẩm gỗ (mã HS 44) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 01/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

## 9. CAO SU

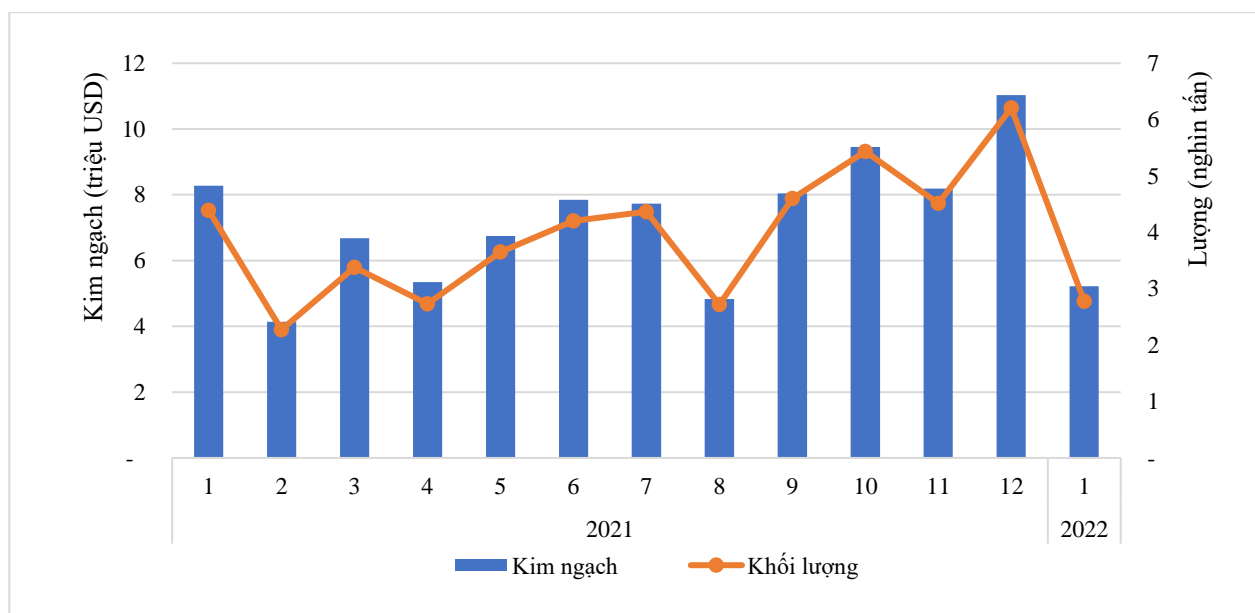
Theo Cơ quan Hải quan Hàn Quốc, năm 2021, Hàn Quốc nhập khẩu 504,02 nghìn tấn cao su, trị giá 1,04 tỷ USD, tăng 3,9% về lượng và tăng 24,6% về trị giá so với năm 2020. Với kim ngạch nhập khẩu như trên, Hàn Quốc hiện đang là 1 trong 10 thị trường nhập khẩu cao su lớn nhất trên thế giới.

Trong năm 2021, Việt Nam là thị trường cung cấp cao su lớn thứ 4 cho Hàn Quốc, đạt 39,51 nghìn tấn, trị giá 75,4 triệu USD, tăng 17,7% về lượng và tăng 45,8% về trị giá so với năm 2020. Thị phần cao su Việt Nam chiếm 7,8% trong tổng lượng nhập khẩu cao su của Hàn Quốc, tăng so với mức 6,9% của năm 2020.

Theo Tổng cục Hải quan, tháng 01/2022, xuất khẩu cao su sang thị trường Hàn Quốc ước đạt 2,8 nghìn tấn với trị giá 5,2 triệu USD, giảm 55,3% về khối lượng và 52,7% về giá trị so với tháng trước, và giảm 36,8% về khối lượng và 36,9% về giá trị so với cùng kỳ 2021.



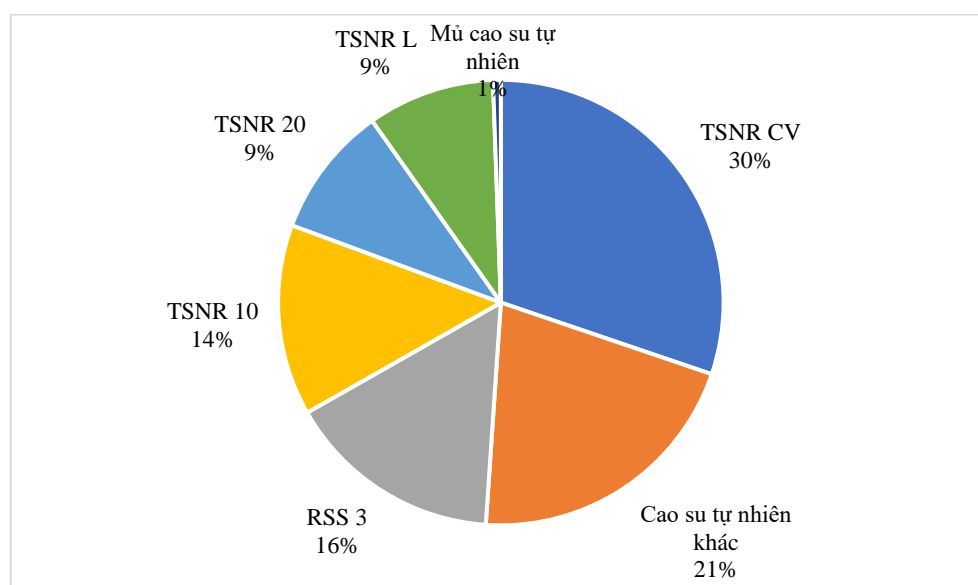
**Hình 21: Khối lượng và giá trị xuất khẩu cao su tự nhiên sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Trong tháng 01/2022, cao su tự nhiên định chuẩn kỹ thuật TSNR CV là chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) có giá trị xuất khẩu lớn nhất sang thị trường Hàn Quốc đạt 1,3 triệu USD, chiếm 30,2% tổng giá trị xuất khẩu. Đứng thứ hai là RSS 3 với kim ngạch 681,2 nghìn USD, chiếm 15,7% tổng giá trị xuất khẩu. Tiếp theo là TSNR 10 và TSNR 20 chiếm lần lượt 13,9% và 9,6% tổng giá trị xuất khẩu sang Hàn Quốc.

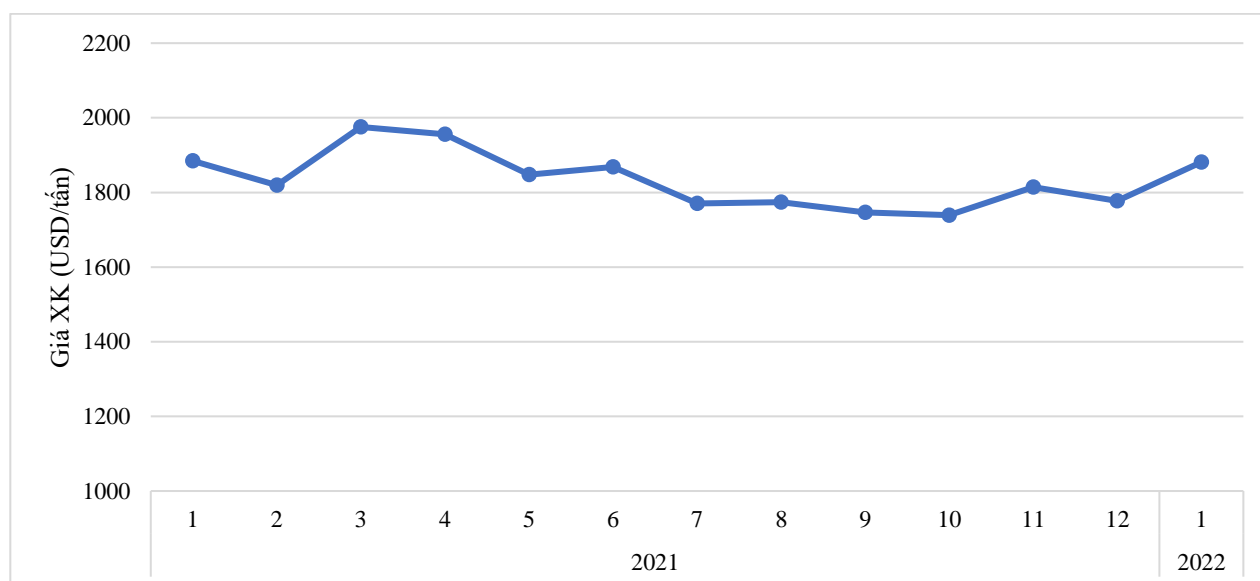
**Hình 22: Chủng loại cao su tự nhiên (mã HS 4001) xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc theo kim ngạch tháng 01/2022**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Giá cao su xuất khẩu trung bình sang thị trường Hàn Quốc đạt mức 1.881 USD/tấn trong tháng 01/2022, tăng 5,8% so với tháng trước, nhưng giảm 0,2% so với cùng kỳ 2021.

**Hình 23: Giá cao su tự nhiên xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc**



*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

# NHẬN ĐỊNH VÀ ĐÁNH GIÁ

## 1. Lúa gạo

Trong tháng 2/2022, Hàn Quốc thông báo trong năm 2022, nước này phân bổ 388.700 tấn gạo nhập khẩu theo cơ chế hạn ngạch quốc gia cho 5 nước gồm: Trung Quốc, Hoa Kỳ, Việt Nam, Thái Lan và Úc. Trong đó, Việt Nam được phân bổ 55.112 tấn gạo được nhập khẩu vào Hàn Quốc với mức ưu đãi 5%.

Cụ thể, trong nửa đầu năm 2022, các đợt đấu thầu của Hàn Quốc được thông báo 4 lần vào tháng 1, tháng 2, tháng 4 và tháng 6. Nửa cuối năm 2022, dự kiến sẽ tổ chức thêm hai hoặc ba đợt đấu thầu tùy thuộc vào tình hình nội địa nước này. Trong đợt đấu thầu vào tháng 1/2022, Hàn Quốc không triển khai nhập khẩu gạo có xuất xứ từ Việt Nam. Đợt đấu thầu tháng 2/2022, Hàn Quốc thông báo mở thầu mua 27.791 tấn gạo từ Việt Nam (gồm cả gạo lứt hạt dài và gạo tẻ hạt dài). Kể từ năm 2020, hàng năm Hàn Quốc áp dụng mức thuế suất ưu đãi 5% cho khối lượng hạn ngạch 408.700 tấn gạo nhập khẩu. Thuế suất áp dụng cho khối lượng gạo nhập khẩu ngoài hạn ngạch là 513%. Trong khối lượng hạn ngạch 408.700 tấn, Hàn Quốc cam kết phân bổ 388.700 tấn theo cơ chế hạn ngạch quốc gia CSQ (Country-Specific Quota) cho 5 nước gồm Trung Quốc, Hoa Kỳ, Việt Nam, Thái Lan và Úc. Trong đó, Việt Nam được phân bổ 55.112 tấn.

## 2. Cà phê

Theo dự đoán mới nhất của USDA ra vào tháng 12/2021, tổng nhập khẩu cà phê các loại của Hàn Quốc niên vụ 2021/2022 không đổi so với niên vụ 2020/2021 ở mức 3.050 nghìn bao, trong đó nhập khẩu cà phê nhân là 2.700 nghìn bao, nhập khẩu cà phê rang xay là 350 nghìn tấn, tiêu thụ nội địa là 3,05 triệu bao.

## 3. Cao su

Những dự báo cho thấy nhu cầu cao su trên thế giới vẫn đang có xu hướng tăng lên. Thông tin từ Hiệp hội Các nước sản xuất cao su tự nhiên (ANRPC), cho hay, việc nới lỏng các hạn chế liên quan đến đại dịch Covid-19 như mở lại biên giới của một số quốc gia và nới lại các hoạt động kinh tế sẽ góp phần đáng kể vào sự phục hồi nhu cầu cao su trong năm 2022. Vì vậy, triển vọng ngành cao su toàn cầu trong năm 2022 sẽ rất sáng, giá bán sẽ tiếp tục giữ ở mức cao.

## PHỤ LỤC

Bảng 2: Xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Hàn Quốc tháng 01/2022

STT	Sản phẩm	T01/2022 (USD)	Tăng/giảm so với T01/2021	Tỷ trọng (%)
1	Cà phê	8.276.505	49,38%	3,57%
2	Cao su	5.222.173	-36,92%	2,25%
3	Gỗ và SP gỗ	106.298.844	31,86%	45,90%
4	Hàng rau quả	12.196.656	31,60%	5,27%
5	Hàng thủy sản	69.971.191	15,44%	30,21%
6	Hạt tiêu	1.629.904	81,92%	0,70%
7	Phân bón các loại	13.934.553	1145,20%	6,02%
8	Mây tre đan	1.560.001	38,51%	0,67%
9	SP từ cao su	8.690.300	6,64%	3,75%
10	Sấn và SP từ sấn	888.290	-71,13%	0,38%
11	TAGS & NL	2.932.673	116,90%	1,27%
<b>Tổng XK NLTS</b>		<b>231,601,090</b>		<b>100,00%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

Bảng 3: Giá trị xuất khẩu một số mặt hàng gạo sang Hàn Quốc tháng 01/2022

TT	Loại sản phẩm	Tháng 01/2021		Tháng 01/2022		So sánh 2022/2020 (%)	
		Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng (tấn)	Giá trị (USD)	Khối lượng	Giá trị
1.	Gạo thơm	0	0	11.144	6.076.471	n/a	n/a
2.	Gạo trắng	45	26.775	66	35.625	46,7%	33,1%
3.	Các loại gạo khác	0	0	11	7.725	n/a	n/a

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 4: Giá trị xuất khẩu một số loại cà phê sang Hàn Quốc tháng 01/2022**

Mặt hàng	T01/2021 (USD)	T01/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
Chưa rang chưa khử cafein	4.099.270	5.531.042	34,93%
Cà phê tan	647.648	1.258.368	94,30%
Khác	417.050	262.688	-37,01%
Đã rang chưa khử cafein	242.195	153.404	-36,66%
Chưa rang đã khử cafein	131.796	235.049	78,34%
<b>Tổng</b>	<b>5.537.960</b>	<b>7.440.551</b>	<b>34,36%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 5: Giá trị xuất khẩu một số loại rau quả chính sang Hàn Quốc tháng 01/2022**

TT	Sản phẩm	Tháng 01/2021	Tháng 01/2022	So sánh 2022/2021
		(USD)	(USD)	
	<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>9.268.091</b>	<b>12.196.656</b>	<b>31,6%</b>
1	Hạt mè	3.169.249	3.598.650	13,5%
2	Xoài	1.325.636	1.029.395	-22,3%
3	Thanh long	451.895	979.803	116,8%
4	Chuối	262.306	622.574	137,3%
5	Ớt	253.630	535.210	111,0%
6	Nấm các loại	61.074	392.051	541,9%
7	Khác	3.744.302	5.038.974	34,6%

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 6: Cơ cấu sản và sản phẩm sản xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc trong tháng 01/2022**

TT	Sản phẩm	T01/2021 (USD)	T01/2022 (USD)	So sánh 2022/2021
1	Sắn, mì thô, thái lát, đông lạnh	2.977.770	683.594	-77,0%
2	Tinh bột sắn	74.048	188.036	153,9%
3	Sản phẩm sắn chế biến	24.546	16.660	-32,1%
	<b>Tổng giá trị XK</b>	<b>3.076.364</b>	<b>888.290</b>	<b>-71,1%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*

**Bảng 7: Xuất khẩu sản phẩm thủy sản sang thị trường Hàn Quốc tháng 01/2022**

Loại sản phẩm	Tháng 01/2022 (USD)	Tháng 01/2021 (USD)	So sánh 2022/21 (%)
Cá da trơn	550.999,6	398.312,0	38,3%
Cá ngừ	190.810,5	526.890,5	-63,8%
Cá rô phi	269.337,6	245.777,4	9,6%
Cua, ghe	149.014,4	141.473,2	5,3%
Mực và bạch tuộc	19.669.736,9	18.645.069,2	5,5%
Tôm	28.493.721,6	23.945.009,8	19,0%
Thủy sản khác	20.647.570,3	16.708.093,9	23,6%
<b>Tổng</b>	<b>69.971.191,0</b>	<b>60.610.626,0</b>	<b>15,4%</b>

*Nguồn: Tổng cục Hải quan*